

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025.

V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hai Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên toà:
Không.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ) về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị S, sinh ngày 14/6/2004 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số: 094304013993; Ngày cấp: 10/8/2021; Nơi cấp; Cục QLHC về TTHX - Bộ Công an.

2. Bị đơn: Ông Sơn M, sinh ngày 15/7/2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm V, phường V, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số: 094200007507; Ngày cấp: 21/9/2022; Nơi cấp; Cục QLHC về TTHX - Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/8/2025 nguyên đơn là bà Thái Thị S trình bày:

Bà Thái Thị S và ông Sơn M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2024 tại UBND xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Chỉ sống chung trong thời ngắn thì bà Thái Thị S và ông Sơn M phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Thái Thị S và ông Sơn M đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà Thái Thị S và ông Sơn M không có con chung.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên bà Thái Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Sơn M.
- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2025.

Đối với bị đơn ông Sơn M: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Sơn M vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông M nhưng ông M không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông M theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà S và ông M có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2024, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Ông M biết việc bà S khởi kiện nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ông M không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ

cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Do nguyên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thái Thị S ly hôn ông Sơn M.

[2] Về con chung: Do nguyên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Do bà Thái Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Thái Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Thái Thị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002401 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ) không nộp thêm. Ông Sơn M không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- UBND phường V, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình